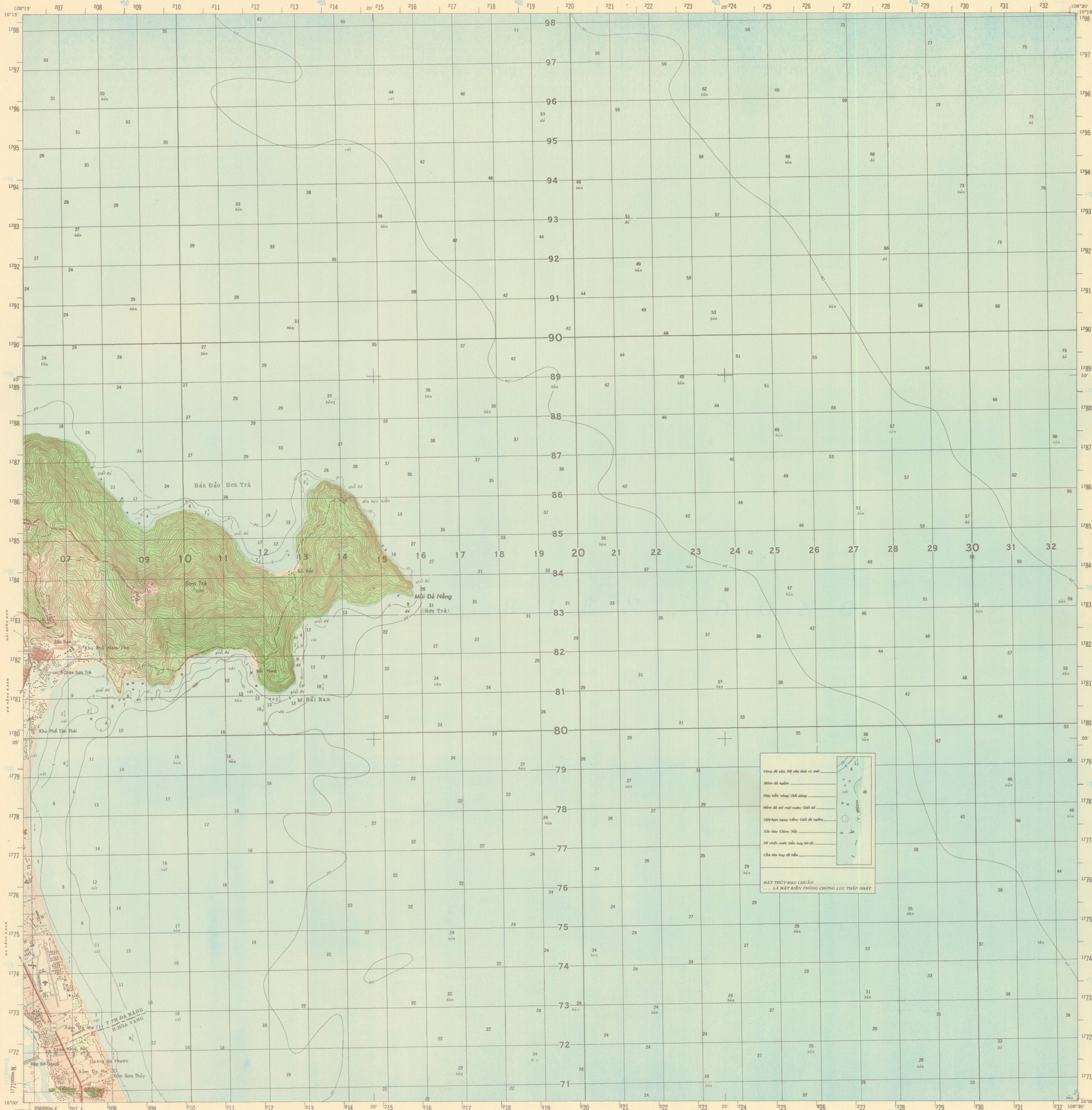
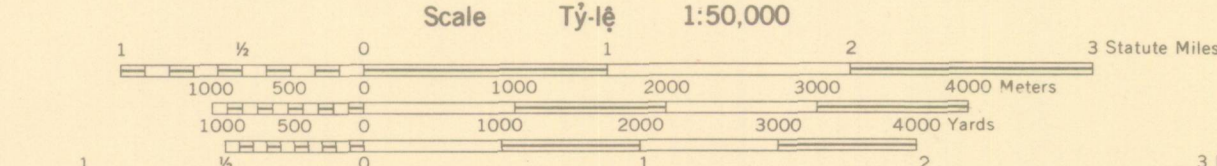




CỤC BẢN ĐỒ TỔNG THAM MƯU-Q.Đ.N.Đ.V.N
In lần thứ nhất năm 1980 theo tài liệu: 1:50000
in năm 1971
Chính lý bổ sung theo B.Y.Đ.C năm 1979
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH VÀ NHẬP

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.
Rừng rậm rạp: rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25%; rừng thành rừng cây thưa và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25%; rừng thành rừng cây thưa và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thưa mọc phần lớn theo không gian.
WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA



CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

SPHEROID: EVEREST
GRID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES); ZONE 48 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT

